

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 7 - 2021

V/v: *Ly hôn*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn.

2. Bà Trịnh Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Tô Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh – kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2021, về việc *Ly hôn*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 04/5/2021, và quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2021/QĐST - HNGĐ ngày 21/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Hữu V, sinh năm 1952

Địa chỉ: Khu phố 7, phường B Đ, thị xã B S, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1954

Địa chỉ: thôn Th H, xã Th1 H, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt ông V, có mặt bà Th (ông V có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 10 tháng 12 năm 2020, bản tự khai ngày 27 tháng 01 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Trần Hữu V trình bày:

Ông và Bà Lê Thị Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống với nhau, ông và bà Th chung sống hòa thuận đến năm 1998 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra va chạm, những mâu thuẫn không thể khắc phục và ngày càng căng thẳng nên ông và bà Th đã sống ly thân nhau từ năm

1998 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Nay ông V xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với bà Th, nên ông V đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Th.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung tên các cháu là Trần Hữu Kh, sinh ngày 26/10/1976; cháu Trần Thị H, sinh ngày 10/5/1982 và cháu Trần Hữu Q, sinh ngày 05/10/1983. Hiện nay cả ba cháu đã trưởng Th và đã có gia đình riêng, ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09 tháng 4 năm 2021, quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Th trình bày:

Bà và ông Trần Hữu V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng kết hôn tại UBND xã Th1 H, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào khoảng tháng 5/1975, bà Th không nhớ chính xác ngày tháng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến năm 1998 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông V đi làm nghe người ngoài nên về nhà lạnh nhạt với vợ con. Sau đó ông V bỏ nhà ra Bim Sơn ở từ năm 2000 đến nay, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay ông V làm đơn xin ly hôn, bà Th xét thấy vợ chồng đã già không nhất thiết phải ly hôn nên bà Th không đồng ý ly hôn với ông V.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung tên các cháu là Trần Hữu Kh, sinh ngày 26/10/1976; cháu Trần Thị H, sinh ngày 10/5/1982 và cháu Trần Hữu Q, sinh ngày 05/10/1983. Hiện nay cả ba cháu đã trưởng Th và đã có gia đình riêng, bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án ra quyết định xét xử ông Trần Hữu V có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn xin xét xử vắng mặt ông V vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Th.

Tại phiên tòa bà Lê Thị Th vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại bản tự khai, bà không đồng ý ly hôn với ông V, vì bà xác định bà không có lỗi, bà cho rằng ông V có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác nên về ly hôn bà.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa có quan điểm:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa xét xử, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa không có yêu cầu hoặc kiến nghị gì cần khắc phục vi phạm về tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1, Điều 85; khoản 1 điều 89; điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000; Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Đề nghị HĐXX xử: Về hôn nhân: Cho ông Trần Hữu V ly hôn bà Lê Thị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. HĐXX nhận định.

[1].Về tố tụng: Ông Trần Hữu V khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Th, bà Th có hộ khẩu và nơi cư trú tại Thôn Th H, xã Th1 H, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, nên căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Ông Trần Hữu V đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, ông V có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông V.

[2].Về nội dung:

- Về hôn nhân: Ông Trần Hữu V và bà Lê Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương từ năm 1975, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được đến năm 1998 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm và không hiểu nhau nên dẫn đến vợ chồng xảy ra va chạm, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Ông V và bà Th sống ly thân nhau từ năm 2000 đến nay, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án bà Th đều trình bày quan điểm không đồng ý ly hôn, bà cho rằng vợ chồng đã già không nhất thiết phải ly hôn và bà không có lỗi để ông V ly hôn. Bà Th cho rằng ông V có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên về xin ly hôn bà. Song thực tế giữa bà và ông V sống ly thân đã lâu, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà thừa nhận bà không có chứng cứ xuất trình tại Tòa án chứng minh ông V ngoại tình. Quá trình giải quyết vụ án bà Th cho rằng giữa bà và ông V có đăng ký kết hôn nhưng do làm thất lạc. Tuy nhiên tại giấy xác nhận hôn nhân ông V xuất trình thì UBND xã Th1 H, huyện Thiệu Hóa xác nhận không có sổ lưu kết hôn của ông V và bà Th. Tại biên bản xác minh ngày 06/4/2021 UBND xã Th1 H, huyện Thiệu Hóa cũng vẫn xác định ông V và bà Th chung sống với nhau từ năm 1975 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Như vậy giữa ông V và bà Th không có căn cứ chứng minh là đã đăng ký kết hôn, tuy nhiên theo điểm a mục 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 quy định “Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000”. Vì vậy việc ông V và bà Th không đăng ký kết hôn nhưng quan hệ hôn nhân giữa ông bà được xem là hôn nhân thực tế. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân của ông V và bà Th không có hạnh phúc nên căn cứ khoản điều

91 luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xử cho ông V được ly hôn bà Th là phù hợp.

- Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án Ông V, bà Th đều thừa nhận vợ chồng có ba con chung tên các cháu là Trần Hữu Kh, sinh ngày 26/10/1976; cháu Trần Thị H, sinh ngày 10/5/1982 và cháu Trần Hữu Q, sinh ngày 05/10/1983. Hiện nay cả ba cháu đã trưởng Th và đã có gia đình riêng, ông V, bà Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

- Về tài sản chung: Ông V, bà Th không yêu cầu giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[3].Về án phí: Ông Trần Hữu V là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí, HĐXX xét thấy nên miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông V.

Từ các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1, Điều 85; khoản 1 điều 89; điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000; Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho Ông Trần Hữu V ly hôn bà Lê Thị Th.

3. Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Trần Hữu V. Trả lại ông Trần Hữu V số tiền 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* ông V đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2018/0007398 ngày 27/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bà Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh ThÔng Hóa;
- UBND thị trấn Thiệu Hóa;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

TH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA